CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

NỘI DUNG	**TRANG**
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả soát xét	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - CTCK)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - CTCK)	8
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a - CTCK)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - CTCK)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 24/GPĐC - UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phú Thủy	Thành viên
	Bà Trương Thị Đàm	Thành viên
	Ông Lê Thanh Trí	Thành viên
	Ông Đinh Hoàng Hà	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Thanh Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10.6.2013)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Thanh Trí	Tổng Giám đốc
Hoạt động chính	Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.	
Trụ sở chính	198 Phan Xích Long, phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

S.G.P: 382 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Q.PHÚ NHUẬN-TP.HỒ CHÍ MINH

Lê Thanh Trí
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh ("Công ty") được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2013. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ cùng các thuyết minh cho báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 4 đến 27. Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được soạn lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM

Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Quốc Tuấn
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo soát xét số HCM3788
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, Fax:+84 (8) 38251947, www.pwc.com/vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01a - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**247.689.093.752**	**304.498.956.092**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**59.193.959.768**	**64.173.492.108**
111	Tiền		19.693.959.768	13.173.492.108
112	Các khoản tương đương tiền		39.500.000.000	51.000.000.000
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**97.933.558.645**	**87.319.901.487**
121	Đầu tư ngắn hạn		98.454.088.039	87.546.024.332
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(520.529.394)	(226.122.845)
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**89.604.183.682**	**152.881.809.047**
131	Phải thu khách hàng		54.000.240	116.250.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		453.023.740	174.727.997
138	Các khoản phải thu khác	5	105.286.543.591	160.822.481.440
139	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6	(16.189.383.889)	(8.231.650.390)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**957.391.657**	**123.753.450**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	940.891.657	105.753.450
158	Tài sản ngắn hạn khác		16.500.000	18.000.000
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**91.781.614.181**	**92.158.536.671**
220	**Tài sản cố định**		**4.431.075.788**	**5.152.180.407**
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	1.288.007.985	1.814.793.347
222	Nguyên giá		8.823.151.729	9.414.900.826
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.535.143.744)	(7.600.107.479)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	3.143.067.803	3.337.387.060
228	Nguyên giá		6.422.555.040	6.072.995.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.279.487.237)	(2.735.607.980)
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	4	**84.000.000.000**	**84.000.000.000**
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		84.000.000.000	84.000.000.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		84.000.000.000	84.000.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**3.350.538.393**	**3.006.356.264**
261	Chi phí trả trước dài hạn		10.503.169	80.807.167
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9	2.057.912.598	2.057.912.598
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	954.270.626	539.784.499
268	Tài sản dài hạn khác		327.852.000	327.852.000
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**339.470.707.933**	**396.657.492.763**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01a - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**25.713.699.228**	**65.967.026.502**
310	**Nợ ngắn hạn**		**25.713.699.228**	**65.967.026.502**
311	Vay ngắn hạn	11	6	2.998.985.191
312	Phải trả người bán		8.745.754	28.007.754
313	Người mua trả tiền trước		30.000.000	65.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.376.440.994	2.517.917.081
315	Phải trả người lao động		510.108.466	45.024.540
316	Chi phí phải trả		134.216.680	255.128.651
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	5.690.618.199	2.767.063.019
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	16.731.822.230	54.286.714.356
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	15	1.216.955.980	2.341.479.460
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	14.790.919	661.706.450
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**313.757.008.705**	**330.690.466.261**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**313.757.008.705**	**330.690.466.261**
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.006.505.789	3.935.519.345
418	Quỹ dự phòng tài chính		4.006.505.789	3.935.519.345
419	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu		395.531.293	557.731.293
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.348.465.834	22.261.696.278
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**339.470.707.933**	**396.657.492.763**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01a - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày 30.6.2013 VNĐ	Mệnh giá tại ngày 31.12.2012 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký	**006**	**620.350.890.000**	**669.884.290.000**
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	388.828.920.000	367.623.380.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	*008*	*1.771.900.000*	*439.450.000*
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	*009*	*387.057.020.000*	*367.183.930.000*
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	91.613.460.000	100.300.460.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	*014*	*91.613.460.000*	100.300.460.000
6.3.Chứng khoán cầm cố	017	136.744.150.000	136.744.150.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	*019*	*136.744.150.000*	*136.744.150.000*
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	3.092.200.000	55.416.300.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	*028*	*82.000.000*	*101.000.000*
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	*029*	*3.010.200.000*	*55.315.300.000*
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	72.160.000	9.800.000.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	*038*	*50.000*	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	*039*	*72.110.000*	*9.800.000.000*
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	**050**	**597.830.000**	**920.460.000**
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	597.830.000	920.460.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	*052*	1.170.000	*1.400.000*
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	*053*	*596.660.000*	*919.060.000*

S.G.P: 382 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Q.PHÚ NHUẬN-TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Lê Thanh Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 02a - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số		Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	**Doanh thu**		**22.751.983.301**	**28.330.300.790**
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.591.029.064	2.844.816.102
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18	8.098.511.872	9.295.470.339
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		137.272.727	95.000.000
01.6	Doanh thu từ hoạt động ủy thác		5.912.220	-
01.9	Doanh thu từ hoạt động khác	19	10.919.257.418	16.095.014.349
02	**Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**	**-**
10	**Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**22.751.983.301**	**28.330.300.790**
11	**Chi phí hoạt động kinh doanh**	20	**(5.861.790.951)**	**(5.754.199.052)**
20	**Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**16.890.192.350**	**22.576.101.738**
25	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	21	**(12.500.516.001)**	**(5.002.841.458)**
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.389.676.349**	**17.573.260.280**
31	Thu nhập khác		2.827.029	1.733.910
32	Chi phí khác		(75.546)	-
40	**Thu nhập khác – số thuần**		**2.751.483**	**1.733.910**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.392.427.832**	**17.574.994.190**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	22	**(2.972.698.947)**	**(4.320.278.280)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		**-**	**-**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.419.728.885**	**13.254.715.910**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	24	**47**	**442**

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Lê Thanh Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 03a - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 2013 VNĐ	2012 VNĐ
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**4.392.427.832**	**17.574.994.190**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		889.881.977	1.299.022.894
03	Các khoản dự phòng		8.252.140.048	142.256.889
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.995.228.426)	(21.018.129.311)
	Phân bổ phụ trội trái phiếu		-	649.600.000
06	Chi phí lãi vay		140.037.478	734.857.384
08	**Lãi/(Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.679.258.909**	**(617.397.954)**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác		34.547.848.548	(114.911.091.378)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(39.302.361.051)	21.526.361.036
12	Tăng các chi phí trả trước		(764.834.209)	(592.245.714)
13	Tiền lãi vay đã trả		(140.037.478)	(382.357.384)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.134.844.626)	(3.949.561.268)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(576.686.127)	(867.912.825)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(8.691.656.034)**	**(99.794.205.487)**
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(349.560.000)	(84.084.400)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.041.490.679	24.273.572.292
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**21.691.930.679**	**24.189.487.892**
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		203.679.001.142	63.253.608.984
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(206.677.986.327)	(31.253.838.984)
36	Cổ tức. lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.980.821.800)	(18.324.407.000)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(17.979.806.985)**	**13.675.363.000**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(4.979.532.340)**	**(61.929.354.595)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**	3	**64.173.492.108**	**180.300.113.212**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	3	**59.193.959.768**	**118.370.758.617**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Lê Thanh Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 05a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000.000	2.789.304.350	2.789.304.350	202.878.057	26.497.437.693	**332.278.924.450**
- Trích lập quỹ trong kỳ	-	1.146.214.995	1.146.214.995	545.872.736	(2.838.302.726)	**-**
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(191.019.500)	-	**(191.019.500)**
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.959.193.688	**19.959.193.688**
- Công bố cổ tức	-	-	-	-	(20.400.000.000)	**(20.400.000.000)**
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(956.632.377)	**(956.632.377)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	300.000.000.000	3.935.519.345	3.935.519.345	557.731.293	22.261.696.278	**330.690.466.261**
- Trích lập quỹ trong kỳ	-	70.986.444	70.986.444	-	(141.972.888)	**-**
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(162.200.000)	-	**(162.200.000)**
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.419.728.885	**1.419.728.885**
- Công bố cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	**(18.000.000.000)**
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(190.986.441)	**(190.986.441)**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	300.000.000.000	4.006.505.789	4.006.505.789	395.531.293	5.348.465.834	**313.757.008.705**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện trích lập các Quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mỗi năm cho đến khi Quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mỗi năm cho đến khi Quỹ đạt 100% vốn điều lệ hiện có của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm ("Quỹ thưởng khách hàng"). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong kỳ, Công ty đã công bố 18.000.000.000 đồng cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2013.

Nguyễn Hoàng Phương Thanh Kế toán	Lê Thanh Trí Tổng Giám đốc Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Ngày 7 tháng 6 năm 2013, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC – UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 54 nhân viên (31 tháng 12 năm 2012: 56 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại Công ty, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán, bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn ("chứng khoán kinh doanh") ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán ("giá gốc"). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(b) Đầu tư dài hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 – 7 năm
Phần mềm vi tính	3 – 5 năm

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.8 Cam kết mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.9 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại. pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.14 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

2.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tiền mặt	78.283.184	32.782.730
Tiền gửi ngân hàng	19.615.676.584	13.140.709.378
Trong đó:		
Tiền gửi của Công ty	*4.274.482.263*	*3.630.345.993*
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	*15.341.194.321*	*9.510.363.385*
Các khoản tương đương tiền (*)	39.500.000.000	51.000.000.000
	59.193.959.768	64.173.492.108

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn ban đầu dưới ba tháng và hưởng lãi với lãi suất từ 6,8% đến 7,5% một năm.

Bao gồm trong các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 4,5 tỷ đồng tiền gửi tại ngân hàng được dùng làm các tài sản đảm bảo cho một hợp đồng hạn mức tín dụng của Công ty (Thuyết minh 11).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 30.6.2013	Giá trị theo sổ sách kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	**98.454.088.039**	**145.158.831**	**(520.529.394)**	**106.526.384.500**	**(520.529.394)**
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	10.578.088.039	145.158.831	(520.529.394)	18.650.384.500	(520.529.394)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.160.000.000	-	-	4.160.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày (****)	83.716.000.000	-	-	83.716.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	**84.000.000.000**	**-**	**-**	**84.000.000.000**	**-**
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn					
- Trái phiếu chưa niêm yết (***)	*84.000.000.000*	-	-	*84.000.000.000*	-
	182.454.088.039	**145.158.831**	**(520.529.394)**	**190.526.384.500**	**(520.529.394)**

Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	**87.546.024.332**	**123.625.413**	**(226.122.845)**	**87.443.526.900**	**(226.122.845)**
- Cổ phiếu niêm yết (*)	591.224.332	10.475.413	(226.122.845)	375.576.900	(226.122.845)
- Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	4.655.600.000	113.150.000	-	4.768.750.000	-
- Trái phiếu niêm yết	26.299.200.000	-	-	26.299.200.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	56.000.000.000	-	-	56.000.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	**84.000.000.000**	**-**	**-**	**84.000.000.000**	**-**
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn					
- Trái phiếu chưa niêm yết (***)	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-
	171.546.024.332	**123.625.413**	**(226.122.845)**	**171.443.526.900**	**(226.122.845)**

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt cung cấp.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(***) Đầu tư vào trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Phần chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời kỳ từ ngày mua trái phiếu đến ngày đáo hạn. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết được phát hành bởi hai công ty cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam. Số trái phiếu này sẽ được đáo hạn vào tháng 4 và tháng 10 năm 2014.

(****) Bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 44,7 tỷ đồng tiền gửi tại ngân hàng được dùng làm các tài sản đảm bảo cho các hạn mức tín dụng của Công ty (Thuyết minh 11).

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	74.403.256.749	11.868.128.388
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	25.634.614.124	76.997.282.788
Phải thu lãi đầu tư trái phiếu	2.587.135.415	9.773.871.525
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.218.152.188	4.563.437.937
Tài sản thiếu chờ xử lý	755.333.847	-
Các khoản phải thu khác	688.051.268	45.177.907.802
Phải thu từ các hợp đồng "reverse repo"	-	12.441.853.000
	105.286.543.591	160.822.481.440

6 DỰ PHÒNG NỢP PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu kỳ/năm	8.231.650.390	-
Trích lập trong kỳ/năm (Thuyết minh 21)	7.957.733.499	8.231.650.390
Số cuối kỳ/năm	16.189.383.889	8.231.650.390

Số trích lập dự phòng trong kỳ/năm được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các nhà đầu tư.

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu kỳ/năm	105.753.450	72.507.520
Tăng trong kỳ/năm	2.184.867.792	1.617.045.433
Phân bổ	(1.349.729.585)	(1.583.799.503)
Số cuối kỳ/năm	940.891.657	105.753.450

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu liên quan đến chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán hàng năm của Công ty.

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.866.742.955	566.475.906	6.981.681.965	**9.414.900.826**
Điều chỉnh khác (*)	(83.830.065)		(507.919.032)	**(591.749.097)**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	1.782.912.890	566.475.906	6.473.762.933	**8.823.151.729**
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	994.319.560	366.972.983	6.238.814.936	**7.600.107.479**
Khấu hao trong kỳ	132.157.470	47.206.326	166.638.924	**346.002.720**
Điều chỉnh khác (*)	(51.883.768)	-	(359.082.687)	**(410.966.455)**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	1.074.593.262	414.179.309	6.046.371.173	**7.535.143.744**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	872.423.395	199.502.923	742.867.029	**1.814.793.347**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	708.319.628	152.296.597	427.391.760	**1.288.007.985**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.761.405.220 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.006.239.761 đồng).

(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT–BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giá trị còn lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trong kỳ.

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.072.995.040
Mua trong kỳ	349.560.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6.422.555.040
Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	2.735.607.980
Khấu hao trong kỳ	543.879.257
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	3.279.487.237
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.337.387.060
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	3.143.067.803

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.248.121.605 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.023.313.955 đồng).

9 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	2.057.912.598	2.057.912.598

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ/năm được ghi nhận như sau:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	2.057.912.598	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 22)	-	2.057.912.598
Số dư cuối kỳ/năm	2.057.912.598	2.057.912.598

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6).

10 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QD-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ	539.784.499	381.128.293
Tiền nộp bổ sung	357.096.477	123.017.325
Lãi phân bổ	57.389.650	35.638.881
Số dư cuối kỳ	954.270.626	539.784.499

11 VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay VNĐ	Số dư đầu kỳ VNĐ	Số vay trong kỳ VNĐ	Số trả trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ
Vay ngân hàng	10,2% - 12%	2.998.985.191	61.741.858.848	(64.740.844.033)	6

Công ty có hạn mức tín dụng ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng khác trong nước với số tiền 45,5 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng này được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng của Công ty tại ngân hàng là 4,5 tỷ đồng (Thuyết minh 3) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng là 44,7 tỷ đồng (Thuyết minh 4) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.133.590.166	2.295.735.845
Thuế thu nhập cá nhân	242.496.555	203.067.600
Thuế GTGT phải trả	354.273	19.113.636
	1.376.440.994	2.517.917.081

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 23(b))	5.466.428.200	2.447.250.000
Kinh phí công đoàn	110.294.947	225.233.985
Phải trả khác	113.895.052	94.579.034
	5.690.618.199	2.767.063.019

14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	1.387.000.000	51.321.367.123
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (*)	15.344.822.230	2.965.347.233
	16.731.822.230	54.286.714.356

(*) Khoản tiền này thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

15 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 23(b))	1.216.955.980	2.341.479.460

16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu kỳ/năm	661.706.450	707.619.073
Trích lập quỹ	190.986.441	956.632.377
Sử dụng quỹ	(837.901.972)	(1.002.545.000)
Số cuối kỳ/năm	14.790.919	661.706.450

16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2013 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.00.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	%	Vốn góp VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70%	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	15.000.000.000	5%	15.000.000.000
Cổ đông khác	74.942.000.000	25%	74.942.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000

18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	1.102.965.770	3.410.030
Thu nhập cổ tức	459.365.545	293.881.070
Thu nhập lãi trái phiếu	6.536.180.557	8.998.179.239
	8.098.511.872	9.295.470.339

19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	5.180.464.966	11.690.430.121
Doanh thu phí ứng trước	1.792.936.165	2.557.435.174
Doanh thu từ hoạt động giao dich ký quỹ	3.884.874.364	1.771.885.101
Doanh thu khác	60.981.923	75.263.953
	10.919.257.418	16.095.014.349

20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Chi phí lương nhân viên	2.374.338.718	1.710.730.172
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	700.899.789	757.706.754
Khấu hao tài sản cố định	496.777.722	582.507.422
Lỗ từ bán chứng khoán ngắn hạn	485.801.149	-
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	294.406.549	142.256.889
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	256.896.681	197.829.091
Chi phí lãi vay	140.037.478	382.357.384
Phân bổ phụ trội trái phiếu	-	649.600.000
Chi phí lãi repo Trái phiếu chính phủ	-	352.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.632.865	978.711.340
	5.861.790.951	5.754.199.052

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6)	7.957.733.499	-
Chi phí lương nhân viên quản lý	1.957.216.740	2.179.974.273
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.893.402.803	1.562.430.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.104.255	716.515.472
Chi phí bằng tiền khác	295.058.704	539.921.316
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
	12.500.516.001	5.002.841.458

22 THUẾ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.972.698.947	4.320.278.280
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 9)	-	-
	2.972.698.947	4.320.278.280

Khoản thuế trong kỳ thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 THUẾ (tiếp theo)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.392.427.832	17.574.994.190
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	1.098.106.958	4.393.748.548
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(114.841.386)	(73.470.268)
Chi phí không được khấu trừ	1.989.433.375	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.972.698.947	4.320.278.280

(*) Thu nhập chịu thuế của Công ty sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm thành lập Công ty (năm 2008) đến nay.

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Công ty mẹ		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	52.041.263	9.437.250
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	30.000.000	30.000.000

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Công ty mẹ		
Phí thuê văn phòng	154.000.000	154.000.000

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.103.137.860	836.892.437

iv) Các giao dịch khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Công ty mẹ		
Cổ tức đã trả cho Công ty mẹ	12.603.480.000	14.283.944.000
Công ty mẹ nhờ trả hộ cổ tức	495.222.840	22.343.664.000
Cổ tức đã trả hộ cho Công ty mẹ	1.619.729.820	15.402.199.200

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	Tại ngày 30.6.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 15)	1.216.955.980	2.341.479.460
Các khoản phải trả. phải nộp ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả công ty mẹ (Thuyết minh 13)	5.466.428.200	2.447.250.000

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, loại trừ cổ phiếu thường công ty mua lại và nắm giữ như cổ phiếu Công ty:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2013 VNĐ	30.6.2012 VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cở bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.419.728.885	13.254.715.910
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	47	442

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất do các khoản vay đã được tất toán trong kỳ.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty có gốc tiền tệ là tiền đồng cũng là đồng tiền giao dịch chính của Công ty.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 285.261.291 đồng hoặc thấp hơn 1.283.862.549 đồng tương ứng.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả vay ngắn hạn và phải trả khác với số tiền là 23.812.358.849 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 64.959.045.512 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

26 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Trong vòng 1 năm	1.355.903.760	1.171.536.000
Từ 1 đến 5 năm	1.614.509.943	2.537.305.200
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.970.413.703	3.708.841.200

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Tổng Giám đốc duyệt để phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Lê Thanh Trí
Tổng Giám đốc